

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/ 2019/ DS - ST

Ngày: 25- 6- 2019

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng A)

Địa chỉ: số 130 Đ, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Thanh H – Giám đốc phòng giao dịch V (theo Quyết định ủy quyền số 810/QĐ-DAB-PC ngày 24/5/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng A)

- Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1967

2/ Ông Mạc Hồng S, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2018 nguyên đơn Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng A) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Thanh H trình bày:

Ngày 17/5/2013, Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng A) ký Hợp đồng tín dụng số: K0330/1 với bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S để cho vay số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất trong hạn là 14%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn, mục đích vay để sửa nhà.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà P và ông S thế chấp cho Ngân hàng A tài sản là bất động sản tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 973639, BM 973640 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00963, CH00964 do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27/02/2013, số thửa: 507, 1032; tờ bản đồ số 4; diện tích 2.023,2m² cho bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S theo hợp đồng thế chấp số K0127-13/HĐTC ngày 15/5/2013. Hợp đồng trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng từ ngày 17/5/2013 đến ngày 22/10/2018 bà P và ông S chỉ trả được số tiền: 1.423.333đ lãi trong hạn. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 18/4/2014 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 22/10/2018 bà P và ông S còn nợ các khoản như sau: Tiền vốn là 60.000.000đ; lãi trong hạn là 6.393.332đ; lãi quá hạn là 57.715.000đ. Tổng cộng là 124.108.332đ (một trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi hai đồng). Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S trả số tiền còn nợ theo hợp đồng đã vay tính đến ngày 22/10/2018 là 124.108.332đ (một trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23/10/2018 theo hợp đồng hai bên thỏa thuận đã ký đến khi bà P và ông S trả hết nợ. Trường hợp bà P và ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A yêu cầu được phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số K0127-13/HĐTC ngày 15/5/2013 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà P và ông S thì bà P và Ông S tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng vay ngắn hạn: K 0330/1 ngày 17/5/2013 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số K0127-13/HĐTC ngày 15/5/2013. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng bị đơn bà P có mặt, ông S vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên hòa giải ngày 16/4/2019 bà P trình bày: Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng A số tiền vốn và lãi theo hợp đồng đã ký tính đến ngày 22/10/2018 là 124.108.332đ (một trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) đúng như người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu. Bà đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên nhưng xin trả dần

theo 02 lần đó là: lần một vào tháng 6/2019 và lần 2 vào tháng 9/2019 âm lịch. Trường hợp Bà và ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đồng ý cho phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số K0127-13/HĐTC ngày 15/5/2013 để trả nợ cho Ngân hàng A. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà, ông đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ và chịu mọi chi phí phát sinh cho Ngân hàng A

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với lãi suất quá hạn tính từ ngày 18/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số vốn gốc bằng số tiền là 66.325.000đ. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 132.718.332đ (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) (trong đó: vốn gốc là 60.000đ, tiền lãi trong hạn là 6.393.332đ, tiền lãi quá hạn là 66.325.000đ) và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 26/ 6/ 2019 theo hợp đồng hai bên thỏa thuận đã ký đến khi bà P và ông S trả hết nợ. Trường hợp bà P và ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A yêu cầu được phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số K0127-13/HĐTC ngày 15/5/2013 để thu hồi nợ.

Bà P và ông S vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S trả số tiền 124.108.332đ bao gồm vốn gốc và lãi được tính đến ngày khởi kiện (22/10/2018); Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; bà P và ông S có địa chỉ tại ấp B, xã C, huyện D. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Bị đơn bà P, ông S vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông S.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Căn cứ Hợp đồng vay ngắn hạn: K 0330/1 ngày 17/5/2013 được ký giữa Ngân hàng A với bà P và ông S và Giấy nhận nợ ngày 17/5/2013 thể hiện bà P

và ông S nhận tiền gốc 60.000.000đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S vắng mặt nhưng tại phiên hòa giải ngày 16/4/2019 bà P trình bày: Bà thừa nhận bà và ông S còn nợ Ngân hàng A số tiền vốn và lãi theo hợp đồng đã ký đến ngày 22/10/2018 là 124.108.332đ (một trăm hai mươi bốn triệu một trăm lẻ tám ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) (trong đó: vốn là 60.000.000đ; lãi trong hạn là 6.393.332đ; lãi quá hạn là 57.715.000đ). Bà và ông S đồng ý trả cho Ngân hàng A số tiền trên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án công nhận là sự thật.

Đối với ông S, xét chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện Ông và bà P là người trực tiếp ký hợp đồng vay ngắn hạn K 0330/1 ngày 17/5/2013 và đã nhận số tiền 60.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 17/5/2013. Đồng thời Ông cùng bà P ký hợp đồng thế chấp bất động sản với Ngân hàng A để đảm bảo việc trả nợ. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.* Tòa án đã thông báo cho ông biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Ông vẫn vắng mặt, không gửi bản khai cho Tòa án trong khi chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 132.718.332đ (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) (trong đó: vốn gốc là 60.000đ, tiền lãi trong hạn là 6.393.332đ, tiền lãi quá hạn là 66.325.000đ).

[3] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S không trả được nợ, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Để đảm bảo cho hợp đồng vay các bên đã làm thủ tục thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật các tài sản như sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số K0127-13/HĐTC ngày 15/5/2013 với nội dung: bà P và ông S thế chấp tài sản là bất động sản tọa lạc tại ấp Thạnh Phú, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 973639, BM 973640 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00963, CH00964 do Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27/02/2013, số thửa: 507, 1032; tờ bản đồ số 4; diện tích 2.023,2m², cho bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S. Hợp đồng trên đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật nên việc Ngân hàng A yêu cầu phát mãi tài sản nói trên để thu hồi nợ trong trường hợp bà P, ông S không trả được nợ là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu xin trả dần số nợ trên cho Ngân hàng A thành 02 lần đó là: lần một vào tháng 6/2019 và lần 2 vào tháng 9/2019 âm lịch của bà P. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A không đồng ý theo yêu cầu của bà P nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Ngân hàng A yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S trả 132.718.332đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 132.718.332\text{đ} = 6.636.000\text{đ}$. Hoàn trả cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

Căn cứ các Điều 471, 474, 715, 717, 720, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A;

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2019) 22/10/2018 là 132.718.332đ (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) (trong đó: vốn gốc là 60.0000đ, tiền lãi trong hạn là 6.393.332đ, tiền lãi quá hạn là 66.325.000đ)..

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng vay ngắn hạn số: K 0330/1 ngày 17/5/2013.

Trường hợp bà P và ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số K0127-13/HĐTC ngày 15/5/2013 để thu hồi nợ.

2/ Về án phí sơ thẩm:

2.1/ Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Mạc Hồng S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.636.000đ (sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng)

2.2/ Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.100.000đ (ba triệu một trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N⁰ 0002029 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS huyện Long Hồ;
- VKSND huyện Long Hồ;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện

